

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2895 /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
có nội dung đơn giản hóa về thời hạn giải quyết trong lĩnh vực Đường bộ,  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hoà Bình**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Hoà Bình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 258/TTr-SGTVT ngày 24/11/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) có nội dung đơn giản hóa về thời hạn giải quyết (03 TTHC cấp tỉnh) lĩnh

vực Đường bộ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (địa chỉ: [csdl.dichvucong.gov.vn](http://csdl.dichvucong.gov.vn)); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>).

**Điều 2.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kể từ ngày ký.

- Giao Sở Giao thông vận tải:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 15/12/2020.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục****DANH MỤC TTHC CÓ NỘI DUNG ĐƠN GIẢN HÓA VỀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2895 /QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Đơn giản hóa thời hạn giải quyết các TTHC lĩnh vực Đường bộ đối với thủ tục “*Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng*” công bố tại Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh. Thủ tục “*Cấp giấy phép xe tập lái*” công bố tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh. Thủ tục “*Cấp lại giấy phép xe tập lái*” công bố tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

ST T	Tên TTHC/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Nội dung sửa đổi
					Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội	03 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm Phục vụ HCC	Không có	x	x	Rút ngắn thời hạn giải quyết

	dung của giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng 2.002286.000.00.00.H28	nhận đủ hồ sơ theo quy định					
<b>2</b>	Cấp giấy phép xe tập lái 1.001735.000.00.00.H28	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC	Không có	x	x	Rút ngắn thời hạn giải quyết
<b>3</b>	Cấp lại giấy phép xe tập lái 1.001751.000.00.00.H28	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ HCC	Không có	x	x	Rút ngắn thời hạn giải quyết

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**Phần II.****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2895/QĐ-UBND ngày 25/11/2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**1. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng****1.1. Trình tự thực hiện:****a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải.

**b) Giải quyết TTHC:**

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định. Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu điện, qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh:

(1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;

(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;

(3) Người đại diện theo pháp luật;

(4) Các hình thức kinh doanh;

(5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.

*(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).*

- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

- Đối với hộ kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- **03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

#### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**1.8. Phí, lệ phí, giá:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã:

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);



- Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

- Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

\* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Quyết định số 355/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thông vận tải về việc công bố TTHC được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải./.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**TÊN ĐƠN VỊ**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KDVT: .....**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Địa chỉ trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm..... ;  
Mã số thuế .....
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
  - .....
  - .....
  - .....
  - .....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng:.... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt: ..... (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết nhưng nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Hòa Bình.

## **2. Cấp Giấy phép xe tập lái**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Trong thời hạn không quá **02 (hai) ngày làm việc**, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **2.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.**

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn **02 (hai)** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**2.6. Cơ quan thực hiện TTHC**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính**

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Quyết định số 2272/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Mẫu:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

TRƯỜNG.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRUNG TÂM.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe tập lái của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:



### **3. Cấp lại Giấy phép xe tập lái**

#### **3.1. Trình tự thực hiện**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **3.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** Sau **02 (hai)** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**3.6. Cơ quan thực hiện TTHC**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**3.7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**3.8. Phí, lệ phí, giá:** Không có.

**3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính**

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo.

### **3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Quyết định số 2272/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

Mẫu:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

TRƯỜNG.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRUNG TÂM.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe tập lái của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)